

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2020/DS-PT
Ngày: 20 - 7 - 2020
V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Toàn.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2020 và quyết định tiếp tục xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 25/2020/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1944; Địa chỉ: Số 142, tổ 7, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Đến**, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Số 141, tổ 7, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 104/515 đường N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số chứng thực 1709 ngày 23/11/2017) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1959; (vắng mặt)

2. Ông **Phan Thanh T1**, sinh năm 1961; (vắng mặt)

3. Bà **Phan Thanh H**, sinh năm 1964; (vắng mặt)

4. Ông **Phan Văn Đ1**, sinh năm 1968; (có mặt)

5. Chị **Văn Thanh Vi P**, sinh năm 1975; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 141, tổ 7, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Thành Đ** – Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn C; (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà có thửa đất số 1010, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 327m², do bà đứng tên quyền sử dụng đất, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/2003. Ngày 09/02/2009 bà có ký hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Đ. Theo hợp đồng, bà cho gia đình bà Đ thuê phần đất 105m² (ngang 7m, dài 15m) nằm trong thửa đất 1010 trên, thời hạn thuê từ ngày 09/02/2008 đến ngày 09/02/2012, giá cho thuê là 100.000 đồng/01 năm. Vị trí phần đất cho thuê:

- Phía Đông giáp với đất ông S.
- Phía Tây giáp với đất bà Năm Đ.
- Phía Nam giáp với đất bà Mười Đ.
- Phía Bắc giáp nhà chị M.

Từ ngày cho thuê đến nay phía bà Đ trả tiền thuê đất cho bà được 300.000 đồng rồi ngưng, nay thời hạn hợp đồng thuê đã hết hạn, bà Đ cũng đã phá bỏ căn nhà xây dựng trên đất thuê, bà có nhu cầu lấy lại đất để sử dụng. Bà yêu cầu bà Đ phải di dời đi nơi khác, trả lại phần đất 105m² (ngang 07m, dài 15m) nằm trong thửa đất 1010, có tổng diện tích 327m² tọa lạc tại khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 02/7/2018 phía bà H xác định do nhầm lẫn phần đất cho gia đình bà Đ thuê là thuộc thửa số 1010 nhưng sau khi kiểm tra lại và quá trình giải quyết vụ án, địa chính thị trấn C xác định phần đất bên ngoài lộ H, cặp sông C không có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nhưng thực tế phần đất đó vẫn thuộc quyền sử dụng của bà, do xác định phần đất nhầm lẫn nên hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất xác định vị trí cũng nhầm lẫn, nhưng thực tế gia đình bà Đ cũng thừa nhận thuê phần đất nằm ngoài lộ H của gia đình bà từ trước năm 1975 đến nay và có đóng tiền thuê đất theo thỏa thuận. Tuy nhiên, do bà Đ đã cất căn nhà tường trên phần đất thuê của gia đình bà nên bà không có khả năng hoàn trả lại giá trị nhà cho bà Đ.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Yêu cầu xác định phần đất 105m² (ngang 7m, dài 15m) nằm ngoài lộ H, cặp mé sông C (qua đo đạc thực tế là 39m²) là thuộc quyền sở hữu của bà.

+ Yêu cầu bà Đ cùng các thành viên hộ bà phải hoàn trả lại giá trị đất phần đất nêu trên với giá theo Công ty cổ phần định giá và tư vấn đầu tư quốc tế chi nhánh tại Tiền Giang đã thẩm định giá là 214.500.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Đình C trình bày:*

Phía bị đơn xác định vào ngày 09/02/2009, bị đơn bị phía nguyên đơn lừa đảo ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa đất số 1010, tờ bản đồ số TTC1, có diện tích 327m², đến ngày 20/9/2013 thì bà H đồng ý hủy hợp đồng này. Phía bị đơn xác định không có thuê quyền sử dụng đất thửa đất số 1010 tờ bản đồ số TTC1, có diện tích 327m² của bà H. Thửa đất và căn nhà gắn liền hiện phía bị đơn đang quản lý sử dụng ổn định không ai tranh chấp do phía bị đơn nhận chuyển nhượng của ông T vào năm 1968.

Phía bị đơn không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất theo nguyên đơn trình bày phía bị đơn đã ở ổn định được hơn 50 năm, phía nguyên đơn có giấy tờ gì chứng minh nguyên đơn đứng tên phần đất này thì bị đơn đồng ý trả, còn phía nguyên đơn không có giấy tờ gì chứng minh phần đất do nguyên đơn đứng tên thì bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hàng năm phía bị đơn đều có đóng tiền thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ. Nay đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phía bị đơn không đồng ý.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ1, bà Phan Thị T, chị Văn Thanh Vi P trình bày:* Thống nhất ý kiến và lời trình bày của bà Đ và đại diện ủy quyền của bà Đ.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T1 và bà Phan Thanh H vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn C có văn bản ý kiến như sau:*

Phần đất ven sông ngang 7m, dài 15m diện tích 105m² nằm ngoài lộ H, cặp mé sông C (qua đo đạc thực tế có diện tích 39m²), qua kết quả kiểm tra cơ sở dữ liệu, bản đồ tỷ lệ 1/5000 (số liệu 364) và bản đồ chính quy Vlap đang lưu giữ tại UBND thị trấn C, tại khu vực này phía trên là đường làng nghề, cặp sông C không có thửa đất nào thể hiện trên bản đồ. Vì vậy, phần đất có diện tích 105m² (ngang 07m, dài 15m) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này do bà Nguyễn Thị Đ xây dựng nhà ở trước năm 1975 do đó không thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn C.

Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị H sử dụng thửa đất số 1010, tờ bản đồ TTC1, diện tích 327 m² do bà đứng tên quyền sử dụng đất nằm phía trên cách lộ H, không liên quan thửa đất mé sông, phần đất có diện tích 105m² (ngang 07m, dài 15m) cặp mé sông C không thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H, phần đất này do bà Nguyễn Thị Đ xây dựng nhà ở trước năm 1975.

- Bản án sơ thẩm số: 189/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26, 35, 227, 228, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu xác định phần đất 105m² (ngang 7m, dài 15m), qua đo đạc thực tế có diện tích 39m² nằm ngoài lộ H, cặp mé sông C là thuộc quyền sở hữu của bà.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ cùng các thành viên hộ bà Đ phải hoàn trả lại giá trị phần đất nêu trên với giá là 214.500.000 đồng.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 25/10/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 189/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa quyết định sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Ngày 20/02/2020, bà Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo bổ sung với nội dung xác định phần diện tích đất tranh chấp diện tích 105m² là của bà H, yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả đất lại cho bà hoặc trả giá trị đất bằng tiền theo giá của Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình C không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y án sơ thẩm. Các bên đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau hướng giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án đều được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Bà H kiện yêu cầu bà Đ trả lại 105m² (7x15) theo hợp đồng thuê ngày 09/02/2009 thuộc thửa 1010, tờ bản đồ số TTC1 tại khu 4 thị trấn C. Tuy nhiên, phần đất bà H kiện đòi bà Đ đo thực tế có 39m² được bà Đ cất nhà ở từ năm 1968 đến nay không nằm trong chủ quyền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ghi nhận diện tích tranh chấp 39m² chưa được cấp chủ quyền, toàn bộ diện tích nằm trong HLBV sông không nằm trong diện tích giấy chủ quyền của bà H. Do đó, án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền kháng cáo, nộp đơn và biên lai thu tạm ứng án phí đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về tư cách người tham gia tố tụng, bị đơn Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho anh Nguyễn Đình C làm người đại diện cho bà tại phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với Điều 134, 135, 138 của Bộ luật dân sự.

Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T, Phan Thanh T1, Phan Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn C có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nói trên.

[2] Xét quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Đ cùng các thành viên gia đình bà Đ trả lại diện tích đất bà đã cho thuê 105m² tại tổ 7, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất” là đúng với tính chất vụ án thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 11, 14, 164, 166 của Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 166, 170, 203 Luật đất đai.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn trình bày vào ngày 09/02/2009 bà có ký hợp đồng cho bà Nguyễn Thị Đ thuê phần đất ngang 07m dài 15m diện tích 105m² thửa 1010 tờ bản đồ TTC1 tổng diện tích 327m² tại khu 4, thị trấn C do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho bà đứng tên vào ngày 17/11/2003. Thời hạn cho thuê từ ngày 09/02/2008 đến ngày 09/02/2012, giá cho thuê là 100.000 đồng/năm. Sau khi thuê bà Đ chỉ trả cho bà được 300.000 đồng rồi ngưng luôn. Nay thời hạn thuê đã hết nên bà yêu cầu bà Đ di dời nhà trả đất lại cho bà. Ngày 02/7/2018 bà H nộp đơn khởi kiện với nội dung thay đổi như sau: Do nhầm lẫn khi xác định phần đất cho bà Đ thuê thuộc thửa 1010 nhưng kiểm tra lại thì phần đất cho bà Đ thuê nằm bên ngoài Lộ H bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vẫn thuộc quyền sử dụng của bà. Vì vậy, bà yêu cầu bà Đ trả lại bà diện tích đo đạc thực tế là 39m² trả bằng giá trị 214.500.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền Nguyễn Đình C trình bày: Không có thuê quyền sử dụng đất thửa 1010 tờ bản đồ TTC1 diện tích 327m² của bà H. Phía bị đơn xác định vào ngày 09/02/2009 nguyên đơn lừa bị

đơn ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thửa 1010 tờ bản đồ TTC1 diện tích 327m², đến ngày 20/9/2013 thì bà H đã đồng ý hủy hợp đồng. Về thửa đất gắn liền với căn nhà bị đơn đang quản lý sử dụng do bị đơn nhận chuyển nhượng của ông T vào năm 1968 đã ổn định không ai tranh chấp. Vì vậy, phía bà Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Án sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H nên bà Nguyễn Thị H kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H nhận thấy:

[4.1] Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều xác định phần đất đang tranh chấp diện tích 39m² tại số 141 tổ 7 khu 4 thị trấn C, bà Nguyễn Thị Đ đã cất nhà ở từ năm 1968 đến nay. Nhưng về nguồn gốc đất thì ý kiến hai bên trái ngược nhau. Nguyên đơn bà H khai nguồn gốc đất là của cụ Lê Thị T (mẹ bà H) chết để lại cho bà. Ngày 09/02/2009 bà H ký hợp đồng cho bà Đ thuê 105m² (ngang 7m dài 25m) qua đo đạc thực tế diện tích 39m². Bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả lại 39m² đất, trả bằng giá trị 214.500.000 đồng. Bị đơn bà Đ khai đất bà đang ở bà nhận chuyển nhượng của ông T vào năm 1968, nhưng hiện nay ông T ở đâu bà không biết. Vì vậy, bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu bà H.

[4.2] Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định Tòa sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đòi bà Đ trả đất là có căn cứ. Bởi lẽ bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả lại 105m² đất (ngang 7m dài 15m) theo hợp đồng thuê đất lập ngày 09/02/2009 tại thửa 1010 tờ bản đồ TTC1 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/11/2003 cho bà H đứng tên, đất có vị trí tứ cận: Đông giáp đất ông S; Tây giáp đất bà Năm Đ; Nam giáp đất bà Mười Đ; Bắc giáp đất chị M. Nhưng theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C lập ngày 25/5/2018 thì đất của bà Đ sử dụng có 39m² lại nằm ở vị trí: Đông giáp đất Phạm Ngọc T; Tây giáp đất Nguyễn Thị H; Nam giáp sông C; Bắc giáp đường H và toàn bộ diện tích đất đó nằm trong hành lang bảo vệ sông nên chưa cấp quyền sử dụng. Căn cứ vào kết quả đo đạc, hiện trạng đất nêu trên, ngày 02/7/2018 bà H làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi bà Đ trả 39m² đất bà Đ đang ở và trả bằng giá trị 214.500.000 đồng với lý do đất bà Đ đang ở mặc dù chưa được cấp chủ quyền nhưng cũng là đất của bà cho bà Đ thuê từ trước năm 1975 đến nay.

[4.3] Bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả cho bà 105m² thửa 1010 tờ bản đồ TTC1 theo hợp đồng thuê lập ngày 09/02/2009, sau đó thay đổi đòi 39m² đất mà bà Đ đang ở nhưng bà H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đất đó thuộc quyền sử dụng của bà H bởi các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện như sau:

- Theo công văn số 79/TN&MT-TN ngày 20/02/2019 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện C (bút lục 269). Công văn số 81/CV-UB ngày 03/9/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn C (bút lục 357) và công văn số 1206/UBND-NC ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C (bút lục 485) đều xác định phần đất bà H tranh chấp đòi bà Đ trả 105m² (ngang 7m dài 15m) đo đạc thực tế 39m² nằm trên đường H cập bờ sông C là đất hành lang bảo vệ sông, do bà Đ cất nhà

ở từ trước năm 1975 đến nay, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc quyền sở hữu của bà H.

- Bà H cho rằng bà Đ ký hợp đồng thuê đất của bà vào ngày 09/02/2009 diện tích 105m² (ngang 07m dài 15m) thuộc thửa 1010 tờ bản đồ TTC1 diện tích 327m² nhưng thực tế đất này do bà H quản lý sử dụng, bà Đ hoàn toàn không có quản lý sử dụng diện tích đất trong hợp đồng thuê nói trên với bà H.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới có giá trị pháp lý làm thay đổi tính chất của vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Với các chứng cứ đã được phân tích xét thấy nội dung phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 189/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11, 14, 163, 164, 166, Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 166, 168, 170 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu xác định phần đất 105m² (ngang 07m dài 15m), đo đạc thực tế 39m² nằm ngoài lộ H cập mé sông C thuộc quyền sở hữu của bà.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ cùng các thành viên trong hộ bà Đ phải hoàn trả giá trị phần đất nêu trên cho bà là 214.500.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà H 5.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06794 ngày 09/5/2017, biên lai thu số 08947 ngày 02/7/2018 và biên lai thu số 0002520 ngày 25/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/7/2020, có mặt bà H, anh C, anh Đ, chị P.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải